TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 212/2023/QĐST-HNGĐ	*Bến Lức, ngày 11 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 297/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện B, tỉnh L.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958

Địa chỉ: số 15, ấp 6, xã B, huyện B, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về quyền nuôi con chung: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị M thống nhất xác định có 02 con chung tên Lê Thanh Tr, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Minh Ng, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị M thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị M thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị M phải chịu lệ phí đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà M, ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010077 ngày 20/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Bà M, ông T đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã B, BL, LA
(Số 33 ngày 17/5/2016);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN